

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

2. Về con chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định có 02 con chung là Mai Đoàn Hoàng L – sinh ngày 28 tháng 8 năm 2012 và Mai Minh K – sinh ngày 22 tháng 12 năm 2019.

Ly hôn, ông V và bà T thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định có 02 con chung là Mai Đoàn Hoàng L – sinh ngày 28 tháng 8 năm 2012 và Mai Minh K – sinh ngày 22 tháng 12 năm 2019. Ly hôn, ông V và bà T thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T xác định không có.

II. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Mai Xuân V và bà Đoàn Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông V và bà T đã nộp tại biên lai

thu số 0003421 ngày 07.4.2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.
Ông **V** và bà **T** đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4-Đà Nẵng;
- UBND xã Đại Lộc,
Thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Anh